

Số: /BC-BQLDAGTNN

Đắk Lắk, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1

Kính gửi: UBND tỉnh Đắk Lắk.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk (sau đây gọi tắt là Ban A) báo cáo tình hình thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án cao tốc KH - BMT đến ngày 15/5/2026 như sau:

I. Thông tin chung dự án thành phần 3:

- Tên dự án: Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1 (sau đây gọi tắt là Dự án).

- Tổng chiều dài tuyến khoảng 48,093Km qua địa bàn các xã Ea Ô, Vụ Bôn, Tân Tiến, Krông Pắc, Ea Knuéc, Ea H'ning, Ea Ktur.

- Quy mô đầu tư:

+ Giai đoạn hoàn chỉnh: Quy mô 04 làn xe hoàn thiện, bề rộng nền đường $B_{nền} = 24,75m$. Cầu trên tuyến quy mô phù hợp khổ đường.

+ Giai đoạn phân kỳ: Quy mô 04 làn xe phân kỳ, bề rộng nền đường $B_{nền} = 17,0m$; các đoạn nền đường đào sâu, đắp cao tùy theo địa hình, địa chất từng đoạn, các vị trí có yếu tố kỹ thuật phức tạp và các vị trí nút giao liên thông thiết kế mặt cắt ngang theo giai đoạn hoàn chỉnh.

-Nhóm dự án: Dự án quan trọng Quốc gia được thực hiện tương tự như đối với dự án nhóm A.

-Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp I.

-Tổng mức đầu tư: 6.165.149.587.000 đồng.

-Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn của Dự án thuộc nguồn vốn bố trí cho Dự án cao tốc KH - BMT (tổng cộng 21.935 tỷ đồng) theo Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội bao gồm: Ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 (gồm vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương) và ngân sách Trung ương giai đoạn 2026-2030.

-Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk.

- Thời gian thực hiện dự án: Công tác chuẩn bị đầu tư năm 2022, cơ bản hoàn thành một số đoạn tuyến có lưu lượng giao thông lớn năm 2025, cơ bản hoàn thành toàn tuyến năm 2026 và hoàn thành đưa vào khai thác đồng bộ toàn dự án năm 2027.

- Nghị quyết chủ trương đầu tư dự án: Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội;

- Nghị quyết của Chính phủ triển khai Dự án: Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 58/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội;

- Các mốc tiến độ của Dự án theo Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 25/7/2022 của Chính phủ như sau:

+ Tổ chức lập, thẩm tra, thẩm định, quyết định phê duyệt dự án thành phần hoàn thành trước ngày 20/01/2023 và thực hiện các công việc tiếp theo bảo đảm khởi công trước ngày 30/6/2023.

+ Tổ chức thực hiện đồng thời một số công việc liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xác định các bãi đổ chất thải rắn xây dựng theo quy định; phân đấu bàn giao 70% diện tích mặt bằng của các gói thầu xây lắp khởi công trước ngày 30/6/2023 và cơ bản bàn giao diện tích còn lại trước ngày 31/12/2023.

II. Tình hình thực hiện.

1. Tình hình thi công dự án thành phần 3:

a) Tình hình thi công:

- Dự án có tổng số gói thầu xây lắp: 03 gói thầu. Tổng giá trị thực hiện: **4.129,34/4.276,67** tỷ đồng đạt 96,56% giá trị hợp đồng, chậm -2,11% tương đương khoảng **-90,45 tỷ đồng** (trong đó: Gói thầu số 01 đạt 99,89% giá trị hợp đồng, nhanh 0,12%; Gói thầu số 02 đạt 95,16% giá trị hợp đồng, chậm -1,34%; Gói thầu số 03 đạt 94,70% giá trị hợp đồng, chậm -5,30% so với kế hoạch). Cụ thể:

- So sánh tổng khối lượng thực hiện đến nay so tiến độ thực hiện theo hợp đồng của từng Gói thầu cụ thể như sau:

TT	Gói thầu		Tổng hoàn thành		Kế hoạch theo HD		Nhanh/Chậm	
	Tên gói	Giá trị xây lắp theo HD	Tỷ VNĐ	% HD	Tỷ VNĐ	% HD	Tỷ VNĐ	(=/-)
		(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)=(2)-(4)	(7)=(3)-(5)
I	Gói 01	1394,95	1393,35	99,89%	1391,66	99,76%	1,70	0,12%
1	Sơn Hải	1198,15	1197,15	99,92%	1197,46	99,94%	-0,30	-0,03%

TT	Gói thầu		Tổng hoàn thành		Kế hoạch theo HD		Nhanh/Chậm	
	Tên gói	Giá trị xây lắp theo HD	Tỷ VNĐ	% HD	Tỷ VNĐ	% HD	Tỷ VNĐ	(=/-)
		(1)	(2)	(3)=(2)/(1)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)=(2)-(4)	(7)=(3)-(5)
2	Sài Gòn	196,80	196,20	99,70%	194,20	98,68%	2,00	1,02%
II	Gói 02	1527,37	1453,37	95,16%	1473,80	96,49%	-20,43	-1,34%
1	Tân Nam	1231,16	1165,16	94,64%	1182,50	96,05%	-17,33	-1,41%
2	Hoàng Nam	296,21	288,21	97,30%	291,31	98,34%	-3,09	-1,04%
III	Gói 03	1354,35	1282,62	94,70%	1354,34	100,00%	-71,72	-5,30%
1	An Nguyên	423,62	421,50	99,50%	423,62	100,00%	-2,12	-0,50%
2	TN E&C	470,39	448,01	95,24%	470,39	100,00%	-22,38	-4,76%
3	CC1	460,34	413,11	89,74%	460,33	100,00%	-47,22	-10,26%
Tổng cộng dự án:		4.276,67	4129,34	96,56%	4.219,80	98,67%	-90,45	-2,11%

Các hạng mục chính đã được thi công cụ thể như sau:

- Nền đường K95 & K98: 48,09/48,09Km đạt 100%.
- Móng cấp phối đá dăm các lớp: đạt 100% ~ 48,09/48,09Km;
- Mặt đường Bê tông nhựa các lớp: đạt 100% ~ 48,09/48,09Km;
- Tổ chức thi công 05/05 nút giao;
- Thi công cầu: 29/29 (cầu);
- Thi công hầm chui dân sinh: 21/21
- Thi công công ngang + công đường gom: 164/165 (công);
- Khối lượng còn lại: Tổng khối lượng các hạng mục còn lại khoảng 147,33 tỷ đồng, cụ thể:

+ Khối lượng không vướng GPMB 129,03 tỷ đồng;

+ Khối lượng vướng GPMB: 18,3 tỷ đồng.

* Gói thầu số 01(Km69+500 ÷ Km86+00):

Tổng giá trị khối lượng xây lắp khoảng **1.393,65/1.394,95 (tỷ đồng) đạt 99,91%**. Khối lượng chính thực hiện cụ thể như sau:

- Mặt đường bê tông nhựa các lớp: 16,5/16,5Km đạt 100%;
- Thi công nút giao: 01/01 nút giao: Nút giao Ea - Rót Km72+900;
- Thi công cầu: 06/06 cầu;
- Thi công hầm chui dân sinh: 10/10;

- Thi công công ngang + công đường gom: 55/55 (cống).

- Trong đó:

+ Khối lượng còn lại còn lại khoảng 1,6 tỷ đồng (Không vướng GPMB), cụ thể như sau:

* Đối với Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải:

- Đối với tuyến chính: Chủ yếu còn lại hạng mục trồng cỏ, giá trị còn lại khoảng 1 tỷ đồng.

* Đối với Công ty XD & TM Sài Gòn: Chủ yếu còn lại hạng mục hàng rào kẽm gai, giá trị còn lại khoảng 0.6 tỷ đồng.

* Gói thầu số 02 (Km86+00 ÷ Km101+500):

Tổng giá trị khối lượng xây lắp khoảng **1.453,37/1527,37 (tỷ đồng) đạt 95,16%**. Khối lượng chính thực hiện cụ thể như sau:

- Mặt đường Bê tông nhựa các lớp: 15,5/15,5Km đạt 100%;

- Thi công nút giao: 02/02: Vụ Bồn Km86+300, Tỉnh lộ 9 Km96+183;

- Thi công cầu: 10/10 cầu;

- Thi công hầm chui dân sinh: 06/06;

- Thi công công ngang + công đường gom: 66/66 (cống).

- Khối lượng còn lại khoảng 74 tỷ đồng, Trong đó: Khối lượng không vướng GPMB là 59,2 tỷ đồng, khối lượng vướng GPMB là 14,8 tỷ đồng.

- Đối với Công ty Cổ phần xây dựng Tân Nam giá trị còn lại khoảng 66 tỷ đồng, trong đó: Giá trị còn lại vướng mặt bằng khoảng 12 tỷ đồng, giá trị còn lại không vướng mặt bằng khoảng 54 tỷ đồng.

- Đối với Công ty Cổ phần xây dựng Hoàng Nam giá trị còn lại khoảng 8 tỷ đồng, trong đó: Giá trị còn lại vướng mặt bằng khoảng 2,8 tỷ đồng, giá trị còn lại không vướng mặt bằng khoảng 5,2 tỷ đồng.

* Gói thầu số 03 (Km101+500 ÷ Km117+593):

Tổng giá trị khối lượng xây lắp khoảng **1.282,62/1.354,35 (tỷ đồng) đạt 94,70%**. Khối lượng chính thực hiện cụ thể như sau:

- Mặt đường bê tông nhựa các lớp: 16,09/16,09Km đạt 100%;

- Thi công nút giao: 02/02 nút giao gồm Nút giao Tỉnh lộ 10 Km110+322; Nút giao CT.02 Km117+593;

- Thi công cầu: 13/13 cầu;

- Thi công hầm chui dân sinh: 05/05;

- Thi công công ngang + công đường gom: 43/44 (cống);

- Tổng khối lượng các hạng mục còn lại khoảng 71,73 tỷ đồng, trong đó: Khối

lượng không vướng GPMB là 68,23 tỷ, khối lượng vướng GPMB là 3,5 tỷ;

+ Công ty TNHH An Nguyên Khối lượng còn lại 2,1 tỷ (công tác trồng cỏ);

+ Công ty CP Xây dựng và lắp máy Trung Nam giá trị còn lại khoảng 22,38 tỷ đồng, trong đó: Giá trị còn lại vướng mặt bằng khoảng 3,5 tỷ đồng, Giá trị còn lại không vướng mặt bằng khoảng 18,88 tỷ đồng.

+ Tổng công ty xây dựng số 01 - CTCP Giá trị còn lại khoảng 47,23 tỷ đồng không vướng mặt bằng.

b) Công tác thiết kế, điều chỉnh:

(1) Về hạng mục sạt trượt gói thầu số 01:

+ Về thiết kế: Đã hoàn thiện thiết kế và cắm cọc GPMB.

+ Đã làm việc với địa phương và ban hành văn bản đăng ký điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung của xã Ea Ô.

+ UBND xã Ea Ô đã ban hành văn bản xin ý kiến của sở xây dựng để chấp thuận cho UBND xã Ea Ô được lập quy hoạch cục bộ đối với phạm vi mở rộng mặt bằng. Sở Xây dựng đã ban hành văn bản hướng dẫn số 3297/SXD-QHKT ngày 07/5/2025 hướng dẫn địa phương thực hiện.

+ Địa phương đang nghiên cứu nội dung hướng dẫn để thực hiện. Sau khi quy hoạch được phê duyệt, Chủ đầu tư sẽ trình hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng rừng lên sở NNMT để xử lý.

(2) Về bãi đổ thải: UBND tỉnh đã có Công văn số 6087/UBND-ĐTĐKT ngày 06/5/2026 để xử lý nội dung bổ sung bãi đổ thải của Gói 01.

(3) Thiết kế đường gom, cửa xả: Đã hoàn thiện thiết kế, đang tổ chức cập nhật dự toán và thiết kế cắm cọc GPMB bổ sung.

(4) Đối với công tác điều chỉnh dự toán các hạng mục đã phê duyệt và triển khai thời hạn hoàn thành trước 25/5/2026 để ký phụ lục hợp đồng thực hiện các bước tiếp theo. *(Nhà thầu Gói 01 đã trình khối lượng đề nghị điều chỉnh dự toán đã được các bên xác nhận ngày 15/5/2026, Dự toán liên quan đến nội dung này đã triển khai xong, tuy nhiên cần phải cân đối, chuẩn hóa lại để đảm bảo theo quy định).*

(5) Điều chỉnh nút giao CT.02 và bổ sung hệ thống ITS: Đã hoàn thiện hồ sơ và dự kiến trình thẩm định BCNCKT điều chỉnh ngày 18/5/2026. Đã ban hành văn bản xin ý kiến thiết kế ITS ngày 29/4/2026, Bộ Tài chính ngày 12/5/2026. Chủ đầu tư đang phối hợp với các cơ quan xin ý kiến để có văn bản trả lời sớm nhất.

(6) Về đầu tư trạm dừng nghỉ: Đã hoàn thành hồ sơ thiết kế định hướng, báo cáo đề xuất đầu tư trạm dừng nghỉ. Dự kiến sẽ hoàn thành công tác thẩm tra và trình thẩm định trước ngày 20/5/2026.

c) Công tác giải ngân:

Tổng mức đầu tư của Dự án: 6.165.149 triệu đồng.

Lũy kế vốn bố trí cho dự án đến nay là 6.063.701/6.165.149 triệu đồng (Tổng mức đầu tư), trong đó đối với GPMB được bố trí 1.346.000 triệu đồng đến nay giải ngân 856.900 triệu đồng/1.346.000 triệu đồng, cụ thể vốn bố trí qua các năm như sau:

+ Kế hoạch vốn năm 2023: 1.372.426 triệu đồng (Ngân sách trung ương 699.323,3 triệu đồng tại Quyết định số 2401/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 và Ngân sách địa phương 673.103 triệu đồng tại Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 15/11/2023).

+ Kế hoạch vốn năm 2024: 1.120.000 triệu đồng (các Quyết định số 2816/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 và số 1269/QĐ-UBND ngày 26/4/2024). Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2024 cho dự án là 900.000 triệu đồng (Quyết định số 1527/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk).

(7) Kế hoạch vốn năm 2025 bố trí cho dự án là 2.042.000 triệu đồng (Quyết định số 3182/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk).

+ Kế hoạch vốn 2026: Đã bố trí 1.749.275 triệu đồng theo Quyết định số 02563/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh.

+ Lũy kế giải ngân của dự án đến nay là 4.469.417/6.063.701 triệu đồng, đạt tỉ lệ 73,71% so với tổng số vốn đã được bố trí (đã bao gồm cả chi phí tạm ứng), cụ thể:

+ Giải ngân kế hoạch vốn năm 2023: 1.346.443/1.372.426 triệu đồng, đạt tỉ lệ 98,11%.

+ Giải ngân kế hoạch vốn năm 2024: 925.835/925.835 triệu đồng (bao gồm cả 25.835 triệu đồng kéo dài từ 2023 chuyển sang và chưa bao gồm chi phí nộp trả ngân sách nhà nước), đạt tỉ lệ 100%.

+ Giải ngân kế hoạch vốn năm 2025: 2.042.000/2.042.000 triệu đồng, đạt tỉ lệ 100%.

+ Giải ngân kế hoạch vốn năm 2026: 155.139/1.749.275 triệu đồng, đạt tỉ lệ 8,9%

(Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm báo cáo)

c) Đánh giá: So với tiến độ hoàn thành dự án thời gian thực hiện hợp đồng của từng Gói thầu, hiện nay Dự án đang **chậm tiến độ**, cụ thể hiện nay đạt 4.129,34/4.276,67 tỷ đồng đạt 96,56% giá trị hợp đồng, chậm -2,11% tương đương khoảng -90,45 tỷ đồng.

2. Công tác giải phóng mặt bằng:

a) Tình hình triển khai thực hiện đến nay:

- Tính đến nay công tác GPMB vẫn còn một số tồn tại chưa hoàn thành, cụ thể:

+ Còn 01 Hộ dân Nguyễn Trung Thiên chưa đồng ý với phương án BTHT-GPMB

+ Chưa phê duyệt phương án Tái định cư đối với 15 hộ dân đủ điều kiện nhận đất TĐV

+ Chưa tổ chức BVTC đối với các hộ dân thuộc xã Krông Pắc 13 hộ và Ea Knuéc 3 hộ.

b) Các khó khăn, vướng mắc tồn tại về công tác GPMB:

- Địa bàn xã Vụ Bản:

+ Hiện nay còn 04 hộ dân chưa bàn giao mặt bằng tại nút giao Vụ Bản, trong đó 01 hộ không thống nhất với phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng, 03 hộ chưa được giao đất tái định cư.

- Địa bàn xã Tân Tiến:

+ Còn 01 hộ dân chưa bàn giao mặt bằng tại nút giao Tỉnh lộ 9 vì chưa được giao đất tái định cư.

- Địa bàn xã Krông Pắc:

+ Hiện có 13 hộ tái lấn chiếm hành lang tuyến, không cho thi công rào chắn.

- Địa bàn xã Ea Knuéc:

+ Có 03 hộ dân đã nhận tiền nhưng còn khiếu nại về ranh và tài sản trên đất, cản trở thi công đóng rào chắn, mong thoát nước.

c) Kiến nghị: Với những nội dung nêu tại mục b nêu trên, Chủ đầu tư kiến nghị các đơn vị liên quan sớm xử lý dứt điểm GPMB cụ thể:

- Đối với UBND xã Vụ Bản:

+ Đề nghị UBND xã phê duyệt điều chỉnh phương án tái định cư. Hoàn thành trước ngày 20/5/2026.

+ Đề nghị UBND xã tổng hợp hồ sơ các nội dung ý kiến của các đơn vị liên quan, có báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của ủy ban tỉnh đối với hộ ông Nguyễn Trung Thiên, bên cạnh đó triển khai lập kế hoạch cưỡng chế, ban hành quyết định cưỡng chế hoàn thành bàn giao MB trước 30/5/2026.

- Đối với UBND xã Tân Tiến:

+ Đề nghị UBND xã phê duyệt điều chỉnh phương án tái định cư đối với 06 hộ còn lại. Hoàn thành trước ngày 20/5/2026.

- Đối với UBND xã Krông Pắc:

+ Triển khai lập kế hoạch bảo vệ thi công và bảo vệ thi công từ ngày **20/5/2026** cho tới khi thi công hoàn thành.

- Đối với UBND xã Ea Knuéc:

+ Tổ chức mời 03 hộ trên họp tuyên truyền giải thích và triển khai lập kế hoạch bảo vệ thi công, bàn giao MB hoàn thành trước tháng 25/5/2026.

+ Ban hành quyết định giao đất tái định cư cho hộ ông Đoàn Khóa trước ngày 25/5/2026.

3. Công tác di dời hạ tầng kỹ thuật: Đã hoàn thành.

Trên đây là nội dung tình hình thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án cao tốc KH - BMT giai đoạn 1 đến ngày 15/5/2026, Ban A kính báo UBND tỉnh xem xét và có ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Trương Công Thái - PCT UBND tỉnh (b/c);
- UBND các xã, Ea Knuéc, Tân Tiến, Vụ Bồn; Krông Pắc;
- Các sở: Xây dựng, NN&MT, TC;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng: KH-TC, QLKT1;
- Lưu: VT, QLXDCT1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tài Minh

PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP TIỀN ĐỘ GIẢI NGÂN DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Báo cáo số/BC-BQLDAGTNN ngày/5/2026 của Ban A)

- Tình hình giải ngân chi tiết

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Hạng mục	Giải ngân 2023		Giải ngân 2024					Giải ngân 2025		Giải ngân 2026	
		Tổng cộng	Tỷ lệ %	Tổng cộng	KHV 2024	KHV 2023 KD	Tỷ lệ %	Nộp trả NS	Tổng cộng	Tỷ lệ %	Tổng cộng	Tỷ lệ %
1	CPTV, QLDA và khác	116.611	-	20.696	20.696	-	-	-	17,021	-	1.590	
2	Chi phí XL	471.493	-	868.455	855.805	12.649	-	-	1.971,19	-	142.849	
3	Chi phí GPMB	758.487	-	36.685	23.499	13.186	-	31,84	53,785	-	7.143	
	Tổng cộng	1.346.591	98,12%	925.835	900.000	25.835	100%	31,84	2.042.000	100%	155.139	8,9%

- Tình hình giải ngân theo nguồn vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	KHV 2023			KHV 2024								KHV 2025			KHV 2026		
		KHV	Giải ngân	Tỷ lệ %	Kế hoạch vốn			Giải ngân					KHV	Giải ngân	Tỷ lệ %	KHV	Giải ngân	Tỷ lệ %
					Tổng KHV 2024	Bố trí 2024	VKD 2023	Tổng cộng	Giải ngân 2024	Giải ngân VKD 2023	Nộp trả NS	Tỷ lệ %						
1	Ngân sách Trung ương	699.323	686.674	98,19%	912.649	900.000	12.649	912.649	900.000	12.649	0,639	100%	2.042.000	2.042.000	100%	1.749.000	155.139	8,9%
2	Ngân sách địa phương	673.103	659,917	98,04%	13.186	-	13.186	13.186	-	13.186	31,203	100%	0	0	0			
	Tổng	1.372.426	1.346.591	98,12%	925.835	900.000	25.835	925.835	900.000	25.835	31,842	100%	2.042.000	2.042.000	100%	1.749.000	155.139	8,9%